

DANH SÁCH 1.170 CĂN HỘ TẠI CHUNG CƯ THÁP 1, THÁP 2 THUỘC DỰ ÁN THÀNH PHẦN 6-2 THUỘC DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI, THƯƠNG MẠI DU LỊCH TẠI XÃ BẾN LÚC, TỈNH TÂY NINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BÁN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI

(Đính kèm văn bản số 2854/SXD-NBĐS ngày 03/10/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
			1.170		97.075,32	88.849,30
Tháp 1			585		48.584,38	44.424,65
1	1	2	S1-G05A	CH	99,21	89,86
2	1	2	S1-G05	CH	34,45	30,65
3	1	2	S1-G06	CH	86,37	79,88
4	1	2	S1-G08A	CH	37,77	34,05
5	1	2	S1-G08	CH	97,24	88,39
6	1	2	S1-G09	CH	37,86	33,99
7	1	2	S1-G10	CH	86,37	79,88
8	1	2	S1-G11	CH	34,2	30,65
9	1	2	S1-G12	CH	99,21	89,86
10	1	2	S1-G12A	CH	101,33	91,96
11	1	2	S1-G15A	CH	85,58	79,05
12	1	3	S1-01	CH	86,18	79,56
13	1	3	S1-02	CH	85,93	79,56
14	1	3	S1-03	CH	111,76	101,45
15	1	3	S1-15	CH	96,27	88,94
16	1	3	S1-16	CH	115,33	105,67
17	1	4	S1-01	CH	86,19	79,56
18	1	4	S1-02	CH	96,11	88,67
19	1	4	S1-03	CH	101,29	91,96
20	1	4	S1-05A	CH	109,74	99,34
21	1	4	S1-05	CH	34,45	30,98
22	1	4	S1-06	CH	86,38	79,88
23	1	4	S1-08A	CH	38,14	34,38
24	1	4	S1-08	CH	109,39	99,94
25	1	4	S1-09	CH	38,11	34,32
26	1	4	S1-10	CH	86,38	79,88
27	1	4	S1-11	CH	34,45	30,98
28	1	4	S1-12	CH	103,27	93,39
29	1	4	S1-12A	CH	111,83	101,44
30	1	4	S1-15A	CH	86,03	79,56
31	1	4	S1-15	CH	86,18	79,83
32	1	4	S1-16	CH	105,13	96,37
33	1	5	S1-01	CH	96,26	88,68
34	1	5	S1-02	CH	86,03	79,56
35	1	5	S1-03	CH	111,78	101,43
36	1	5	S1-05A	CH	99,24	89,86
37	1	5	S1-05	CH	34,45	30,98
38	1	5	S1-06	CH	86,38	79,88
39	1	5	S1-08A	CH	38,14	34,38
40	1	5	S1-08	CH	97,27	88,39

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
41	1	5	S1-09	CH	38,11	34,32
42	1	5	S1-10	CH	86,38	79,88
43	1	5	S1-11	CH	34,45	30,98
44	1	5	S1-12	CH	109,72	99,34
45	1	5	S1-12A	CH	105,39	95,48
46	1	5	S1-15A	CH	96,07	88,67
47	1	5	S1-15	CH	86,18	79,82
48	1	5	S1-16	CH	115,42	105,67
49	1	6	S1-01	CH	86,19	79,56
50	1	6	S1-02	CH	96,11	88,67
51	1	6	S1-03	CH	101,29	91,96
52	1	6	S1-05A	CH	109,74	99,34
53	1	6	S1-05	CH	34,45	30,98
54	1	6	S1-06	CH	86,38	79,88
55	1	6	S1-08A	CH	38,14	34,38
56	1	6	S1-08	CH	109,39	99,94
57	1	6	S1-09	CH	38,11	34,32
58	1	6	S1-10	CH	86,38	79,88
59	1	6	S1-11	CH	34,45	30,98
60	1	6	S1-12	CH	103,27	93,39
61	1	6	S1-12A	CH	111,83	101,44
62	1	6	S1-15A	CH	86,03	79,56
63	1	6	S1-15	CH	86,18	79,83
64	1	6	S1-16	CH	105,13	96,37
65	1	7	S1-01	CH	86,19	79,56
66	1	7	S1-02	CH	86,03	79,56
67	1	7	S1-03	CH	111,78	101,43
68	1	7	S1-05A	CH	99,24	89,86
69	1	7	S1-05	CH	34,45	30,98
70	1	7	S1-06	CH	86,38	79,88
71	1	7	S1-08A	CH	38,14	34,38
72	1	7	S1-08	CH	97,27	88,39
73	1	7	S1-09	CH	38,11	34,32
74	1	7	S1-10	CH	86,38	79,88
75	1	7	S1-11	CH	34,45	30,98
76	1	7	S1-12	CH	109,69	99,34
77	1	7	S1-12A	CH	105,39	95,48
78	1	7	S1-15A	CH	86,03	79,56
79	1	7	S1-15	CH	96,26	88,94
80	1	7	S1-16	CH	115,42	105,67
81	1	8	S1-01	CH	86,19	79,56
82	1	8	S1-02	CH	96,11	88,67
83	1	8	S1-03	CH	101,29	91,96
84	1	8	S1-05A	CH	109,74	99,34
85	1	8	S1-05	CH	34,45	30,98
86	1	8	S1-06	CH	86,38	79,88
87	1	8	S1-08A	CH	38,14	34,38

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
88	1	8	S1-08	CH	109,39	99,94
89	1	8	S1-09	CH	38,11	34,32
90	1	8	S1-10	CH	86,38	79,88
91	1	8	S1-11	CH	34,45	30,98
92	1	8	S1-12	CH	103,27	93,39
93	1	8	S1-12A	CH	111,83	101,44
94	1	8	S1-15A	CH	86,03	79,56
95	1	8	S1-15	CH	86,18	79,83
96	1	8	S1-16	CH	105,13	96,37
97	1	9	S1-01	CH	96,26	88,68
98	1	9	S1-02	CH	86,03	79,56
99	1	9	S1-03	CH	111,78	101,43
100	1	9	S1-05A	CH	99,24	89,86
101	1	9	S1-05	CH	34,45	30,98
102	1	9	S1-06	CH	86,38	79,88
103	1	9	S1-08A	CH	38,14	34,38
104	1	9	S1-08	CH	97,27	88,39
105	1	9	S1-09	CH	38,11	34,32
106	1	9	S1-10	CH	86,38	79,88
107	1	9	S1-11	CH	34,45	30,98
108	1	9	S1-12	CH	109,72	99,34
109	1	9	S1-12A	CH	105,39	95,48
110	1	9	S1-15A	CH	96,11	88,67
111	1	9	S1-15	CH	86,18	79,82
112	1	9	S1-16	CH	115,42	105,67
113	1	10	S1-01	CH	86,19	79,56
114	1	10	S1-02	CH	96,11	88,67
115	1	10	S1-03	CH	101,29	91,96
116	1	10	S1-05A	CH	109,74	99,34
117	1	10	S1-05	CH	34,45	30,98
118	1	10	S1-06	CH	86,38	79,88
119	1	10	S1-08A	CH	38,14	34,38
120	1	10	S1-08	CH	109,39	99,94
121	1	10	S1-09	CH	38,11	34,32
122	1	10	S1-10	CH	86,38	79,88
123	1	10	S1-11	CH	34,45	30,98
124	1	10	S1-12	CH	103,27	93,39
125	1	10	S1-12A	CH	111,83	101,44
126	1	10	S1-15A	CH	86,03	79,56
127	1	10	S1-15	CH	86,18	79,83
128	1	10	S1-16	CH	105,13	96,37
129	1	11	S1-01	CH	86,19	79,56
130	1	11	S1-02	CH	86,03	79,56
131	1	11	S1-03	CH	111,78	101,43
132	1	11	S1-05A	CH	99,24	89,86
133	1	11	S1-05	CH	34,45	30,98
134	1	11	S1-06	CH	86,38	79,88

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
135	1	11	S1-08A	CH	38,14	34,38
136	1	11	S1-08	CH	97,27	88,39
137	1	11	S1-09	CH	38,11	34,32
138	1	11	S1-10	CH	86,38	79,88
139	1	11	S1-11	CH	34,45	30,98
140	1	11	S1-12	CH	109,71	99,34
141	1	11	S1-12A	CH	105,39	95,48
142	1	11	S1-15A	CH	85,98	79,56
143	1	11	S1-15	CH	96,26	88,94
144	1	11	S1-16	CH	115,42	105,67
145	1	12	S1-01	CH	86,19	79,56
146	1	12	S1-02	CH	96,11	88,67
147	1	12	S1-03	CH	101,29	91,96
148	1	12	S1-05A	CH	109,74	99,34
149	1	12	S1-05	CH	34,45	30,98
150	1	12	S1-06	CH	86,38	79,88
151	1	12	S1-08A	CH	38,14	34,38
152	1	12	S1-08	CH	109,39	99,94
153	1	12	S1-09	CH	38,11	34,32
154	1	12	S1-10	CH	86,38	79,88
155	1	12	S1-11	CH	34,45	30,98
156	1	12	S1-12	CH	103,27	93,39
157	1	12	S1-12A	CH	111,83	101,44
158	1	12	S1-15A	CH	86,03	79,56
159	1	12	S1-15	CH	86,18	79,83
160	1	12	S1-16	CH	105,13	96,37
161	1	13	S1-01	CH	96,26	88,68
162	1	13	S1-02	CH	86,03	79,56
163	1	13	S1-03	CH	111,78	101,43
164	1	13	S1-05A	CH	99,24	89,86
165	1	13	S1-05	CH	34,45	30,98
166	1	13	S1-06	CH	86,38	79,88
167	1	13	S1-08A	CH	38,14	34,38
168	1	13	S1-08	CH	97,27	88,39
169	1	13	S1-09	CH	38,11	34,32
170	1	13	S1-10	CH	86,38	79,88
171	1	13	S1-11	CH	34,45	30,98
172	1	13	S1-12	CH	109,72	99,34
173	1	13	S1-12A	CH	105,39	95,48
174	1	13	S1-15A	CH	96,07	88,67
175	1	13	S1-15	CH	86,18	79,82
176	1	13	S1-16	CH	115,42	105,67
177	1	14	S1-01	CH	86,19	79,56
178	1	14	S1-02	CH	96,11	88,67
179	1	14	S1-03	CH	101,29	91,96
180	1	14	S1-05A	CH	109,74	99,34
181	1	14	S1-05	CH	34,45	30,98

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
182	1	14	S1-06	CH	86,38	79,88
183	1	14	S1-08A	CH	38,14	34,38
184	1	14	S1-08	CH	109,39	99,94
185	1	14	S1-09	CH	38,11	34,32
186	1	14	S1-10	CH	86,38	79,88
187	1	14	S1-11	CH	34,45	30,98
188	1	14	S1-12	CH	103,27	93,39
189	1	14	S1-12A	CH	111,83	101,44
190	1	14	S1-15A	CH	86,03	79,56
191	1	14	S1-15	CH	86,18	79,83
192	1	14	S1-16	CH	105,13	96,37
193	1	15	S1-01	CH	86,19	79,56
194	1	15	S1-02	CH	86,03	79,56
195	1	15	S1-03	CH	111,78	101,43
196	1	15	S1-05A	CH	99,24	89,86
197	1	15	S1-05	CH	34,45	30,98
198	1	15	S1-06	CH	86,38	79,88
199	1	15	S1-08A	CH	38,14	34,38
200	1	15	S1-08	CH	97,27	88,39
201	1	15	S1-09	CH	38,11	34,32
202	1	15	S1-10	CH	86,38	79,88
203	1	15	S1-11	CH	34,45	30,98
204	1	15	S1-12	CH	109,69	99,34
205	1	15	S1-12A	CH	105,39	95,48
206	1	15	S1-15A	CH	86,03	79,56
207	1	15	S1-15	CH	96,26	88,94
208	1	15	S1-16	CH	115,42	105,67
209	1	16	S1-01	CH	86,19	79,56
210	1	16	S1-02	CH	96,11	88,67
211	1	16	S1-03	CH	101,29	91,96
212	1	16	S1-05A	CH	109,74	99,34
213	1	16	S1-05	CH	34,45	30,98
214	1	16	S1-06	CH	86,38	79,88
215	1	16	S1-08A	CH	38,14	34,38
216	1	16	S1-08	CH	109,39	99,94
217	1	16	S1-09	CH	38,11	34,32
218	1	16	S1-10	CH	86,38	79,88
219	1	16	S1-11	CH	34,45	30,98
220	1	16	S1-12	CH	103,27	93,39
221	1	16	S1-12A	CH	111,83	101,44
222	1	16	S1-15A	CH	86,03	79,56
223	1	16	S1-15	CH	86,18	79,83
224	1	16	S1-16	CH	105,13	96,37
225	1	17	S1-01	CH	96,26	88,68
226	1	17	S1-02	CH	86,03	79,56
227	1	17	S1-03	CH	111,78	101,43
228	1	17	S1-05A	CH	99,24	89,86

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
229	1	17	S1-05	CH	34,45	30,98
230	1	17	S1-06	CH	86,38	79,88
231	1	17	S1-08A	CH	38,14	34,38
232	1	17	S1-08	CH	97,27	88,39
233	1	17	S1-09	CH	38,11	34,32
234	1	17	S1-10	CH	86,38	79,88
235	1	17	S1-11	CH	34,45	30,98
236	1	17	S1-12	CH	109,72	99,34
237	1	17	S1-12A	CH	105,39	95,48
238	1	17	S1-15A	CH	96,11	88,67
239	1	17	S1-15	CH	86,18	79,82
240	1	17	S1-16	CH	115,42	105,67
241	1	18	S1-01	CH	86,19	79,56
242	1	18	S1-02	CH	96,11	88,67
243	1	18	S1-03	CH	101,29	91,96
244	1	18	S1-05A	CH	109,74	99,34
245	1	18	S1-05	CH	34,45	30,98
246	1	18	S1-06	CH	86,38	79,88
247	1	18	S1-08A	CH	38,14	34,38
248	1	18	S1-08	CH	109,39	99,94
249	1	18	S1-09	CH	38,11	34,32
250	1	18	S1-10	CH	86,38	79,88
251	1	18	S1-11	CH	34,45	30,98
252	1	18	S1-12	CH	103,27	93,39
253	1	18	S1-12A	CH	111,83	101,44
254	1	18	S1-15A	CH	86,03	79,56
255	1	18	S1-15	CH	86,18	79,83
256	1	18	S1-16	CH	105,13	96,37
257	1	19	S1-01	CH	86,19	79,56
258	1	19	S1-02	CH	86,03	79,56
259	1	19	S1-03	CH	111,78	101,43
260	1	19	S1-05A	CH	99,24	89,86
261	1	19	S1-05	CH	34,45	30,98
262	1	19	S1-06	CH	86,38	79,88
263	1	19	S1-08A	CH	38,14	34,38
264	1	19	S1-08	CH	97,27	88,39
265	1	19	S1-09	CH	38,11	34,32
266	1	19	S1-10	CH	86,38	79,88
267	1	19	S1-11	CH	34,45	30,98
268	1	19	S1-12	CH	109,71	99,34
269	1	19	S1-12A	CH	105,39	95,48
270	1	19	S1-15A	CH	85,98	79,56
271	1	19	S1-15	CH	96,26	88,94
272	1	19	S1-16	CH	115,42	105,67
273	1	20	S1-01	CH	86,18	79,57
274	1	20	S1-M02	CH	96,11	88,67
275	1	20	S1-M03	CH	101,29	91,95

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
276	1	20	S1-M05A	CH	109,73	99,34
277	1	20	S1-M05	CH	34,45	30,98
278	1	20	S1-06	CH	86,38	79,88
279	1	20	S1-08A	CH	37,93	34,38
280	1	20	S1-08	CH	109,46	99,94
281	1	20	S1-09	CH	38,11	34,32
282	1	20	S1-10	CH	86,38	79,88
283	1	20	S1-11	CH	34,45	30,98
284	1	20	S1-M12	CH	103,27	93,39
285	1	20	S1-M12A	CH	111,83	101,44
286	1	20	S1-M15A	CH	86,03	79,56
287	1	20	S1-M15	CH	86,18	79,83
288	1	20	S1-M16	CH	86,03	79,56
289	1	22	S1-01	CH	86,19	79,56
290	1	22	S1-02	CH	96,11	88,67
291	1	22	S1-03	CH	101,29	91,96
292	1	22	S1-05A	CH	109,74	99,34
293	1	22	S1-05	CH	34,45	30,98
294	1	22	S1-06	CH	86,38	79,88
295	1	22	S1-08A	CH	38,14	34,38
296	1	22	S1-08	CH	109,39	99,94
297	1	22	S1-09	CH	38,11	34,32
298	1	22	S1-10	CH	86,38	79,88
299	1	22	S1-11	CH	34,45	30,98
300	1	22	S1-12	CH	103,27	93,39
301	1	22	S1-12A	CH	111,83	101,44
302	1	22	S1-15A	CH	86,03	79,56
303	1	22	S1-15	CH	86,18	79,83
304	1	22	S1-16	CH	105,13	96,37
305	1	23	S1-01	CH	86,19	79,56
306	1	23	S1-02	CH	86,03	79,56
307	1	23	S1-03	CH	111,78	101,43
308	1	23	S1-05A	CH	99,24	89,86
309	1	23	S1-05	CH	34,45	30,98
310	1	23	S1-06	CH	86,38	79,88
311	1	23	S1-08A	CH	38,14	34,38
312	1	23	S1-08	CH	97,27	88,39
313	1	23	S1-09	CH	38,11	34,32
314	1	23	S1-10	CH	86,38	79,88
315	1	23	S1-11	CH	34,45	30,98
316	1	23	S1-12	CH	109,69	99,34
317	1	23	S1-12A	CH	105,39	95,48
318	1	23	S1-15A	CH	86,03	79,56
319	1	23	S1-15	CH	96,26	88,94
320	1	23	S1-16	CH	115,42	105,67
321	1	24	S1-01	CH	86,19	79,56
322	1	24	S1-02	CH	96,11	88,67

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
323	1	24	S1-03	CH	101,29	91,96
324	1	24	S1-05A	CH	109,74	99,34
325	1	24	S1-05	CH	34,45	30,98
326	1	24	S1-06	CH	86,38	79,88
327	1	24	S1-08A	CH	38,14	34,38
328	1	24	S1-08	CH	109,39	99,94
329	1	24	S1-09	CH	38,11	34,32
330	1	24	S1-10	CH	86,38	79,88
331	1	24	S1-11	CH	34,45	30,98
332	1	24	S1-12	CH	103,27	93,39
333	1	24	S1-12A	CH	111,83	101,44
334	1	24	S1-15A	CH	86,03	79,56
335	1	24	S1-15	CH	86,18	79,83
336	1	24	S1-16	CH	105,13	96,37
337	1	25	S1-01	CH	96,26	88,68
338	1	25	S1-02	CH	86,03	79,56
339	1	25	S1-03	CH	111,78	101,43
340	1	25	S1-05A	CH	99,24	89,86
341	1	25	S1-05	CH	34,45	30,98
342	1	25	S1-06	CH	86,38	79,88
343	1	25	S1-08A	CH	38,14	34,38
344	1	25	S1-08	CH	97,27	88,39
345	1	25	S1-09	CH	38,11	34,32
346	1	25	S1-10	CH	86,38	79,88
347	1	25	S1-11	CH	34,45	30,98
348	1	25	S1-12	CH	109,72	99,34
349	1	25	S1-12A	CH	105,39	95,48
350	1	25	S1-15A	CH	96,11	88,67
351	1	25	S1-15	CH	86,18	79,82
352	1	25	S1-16	CH	115,42	105,67
353	1	26	S1-01	CH	86,19	79,56
354	1	26	S1-02	CH	96,11	88,67
355	1	26	S1-03	CH	101,29	91,96
356	1	26	S1-05A	CH	109,74	99,34
357	1	26	S1-05	CH	34,45	30,98
358	1	26	S1-06	CH	86,38	79,88
359	1	26	S1-08A	CH	38,14	34,38
360	1	26	S1-08	CH	109,39	99,94
361	1	26	S1-09	CH	38,11	34,32
362	1	26	S1-10	CH	86,38	79,88
363	1	26	S1-11	CH	34,45	30,98
364	1	26	S1-12	CH	103,27	93,39
365	1	26	S1-12A	CH	111,83	101,44
366	1	26	S1-15A	CH	86,03	79,56
367	1	26	S1-15	CH	86,18	79,83
368	1	26	S1-16	CH	105,13	96,37
369	1	27	S1-01	CH	86,19	79,56

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
370	1	27	S1-02	CH	86,03	79,56
371	1	27	S1-03	CH	111,78	101,43
372	1	27	S1-05A	CH	99,24	89,86
373	1	27	S1-05	CH	34,45	30,98
374	1	27	S1-06	CH	86,38	79,88
375	1	27	S1-08A	CH	38,14	34,38
376	1	27	S1-08	CH	97,27	88,39
377	1	27	S1-09	CH	38,11	34,32
378	1	27	S1-10	CH	86,38	79,88
379	1	27	S1-11	CH	34,45	30,98
380	1	27	S1-12	CH	109,71	99,34
381	1	27	S1-12A	CH	105,39	95,48
382	1	27	S1-15A	CH	85,98	79,56
383	1	27	S1-15	CH	96,26	88,94
384	1	27	S1-16	CH	115,42	105,67
385	1	28	S1-01	CH	86,19	79,56
386	1	28	S1-02	CH	96,11	88,67
387	1	28	S1-03	CH	101,29	91,96
388	1	28	S1-05A	CH	109,74	99,34
389	1	28	S1-05	CH	34,45	30,98
390	1	28	S1-06	CH	86,38	79,88
391	1	28	S1-08A	CH	38,14	34,38
392	1	28	S1-08	CH	109,39	99,94
393	1	28	S1-09	CH	38,11	34,32
394	1	28	S1-10	CH	86,38	79,88
395	1	28	S1-11	CH	34,45	30,98
396	1	28	S1-12	CH	103,27	93,39
397	1	28	S1-12A	CH	111,83	101,44
398	1	28	S1-15A	CH	86,03	79,56
399	1	28	S1-15	CH	86,18	79,83
400	1	28	S1-16	CH	105,13	96,37
401	1	29	S1-01	CH	96,26	88,68
402	1	29	S1-02	CH	86,03	79,56
403	1	29	S1-03	CH	111,78	101,43
404	1	29	S1-05A	CH	99,24	89,86
405	1	29	S1-05	CH	34,45	30,98
406	1	29	S1-06	CH	86,38	79,88
407	1	29	S1-08A	CH	38,14	34,38
408	1	29	S1-08	CH	97,27	88,39
409	1	29	S1-09	CH	38,11	34,32
410	1	29	S1-10	CH	86,38	79,88
411	1	29	S1-11	CH	34,45	30,98
412	1	29	S1-12	CH	109,72	99,34
413	1	29	S1-12A	CH	105,39	95,48
414	1	29	S1-15A	CH	96,07	88,67
415	1	29	S1-15	CH	86,18	79,82
416	1	29	S1-16	CH	115,42	105,67

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
417	1	30	S1-01	CH	86,19	79,56
418	1	30	S1-02	CH	96,11	88,67
419	1	30	S1-03	CH	101,29	91,96
420	1	30	S1-05A	CH	109,74	99,34
421	1	30	S1-05	CH	34,45	30,98
422	1	30	S1-06	CH	86,38	79,88
423	1	30	S1-08A	CH	38,14	34,38
424	1	30	S1-08	CH	109,39	99,94
425	1	30	S1-09	CH	38,11	34,32
426	1	30	S1-10	CH	86,38	79,88
427	1	30	S1-11	CH	34,45	30,98
428	1	30	S1-12	CH	103,27	93,39
429	1	30	S1-12A	CH	111,83	101,44
430	1	30	S1-15A	CH	86,03	79,56
431	1	30	S1-15	CH	86,18	79,83
432	1	30	S1-16	CH	105,13	96,37
433	1	31	S1-01	CH	86,19	79,56
434	1	31	S1-02	CH	86,03	79,56
435	1	31	S1-03	CH	111,78	101,43
436	1	31	S1-05A	CH	99,24	89,86
437	1	31	S1-05	CH	34,45	30,98
438	1	31	S1-06	CH	86,38	79,88
439	1	31	S1-08A	CH	38,14	34,38
440	1	31	S1-08	CH	97,27	88,39
441	1	31	S1-09	CH	38,11	34,32
442	1	31	S1-10	CH	86,38	79,88
443	1	31	S1-11	CH	34,45	30,98
444	1	31	S1-12	CH	109,69	99,34
445	1	31	S1-12A	CH	105,39	95,48
446	1	31	S1-15A	CH	86,03	79,56
447	1	31	S1-15	CH	96,26	88,94
448	1	31	S1-16	CH	115,42	105,67
449	1	32	S1-01	CH	86,19	79,56
450	1	32	S1-02	CH	96,11	88,67
451	1	32	S1-03	CH	101,29	91,96
452	1	32	S1-05A	CH	109,74	99,34
453	1	32	S1-05	CH	34,45	30,98
454	1	32	S1-06	CH	86,38	79,88
455	1	32	S1-08A	CH	38,14	34,38
456	1	32	S1-08	CH	109,39	99,94
457	1	32	S1-09	CH	38,11	34,32
458	1	32	S1-10	CH	86,38	79,88
459	1	32	S1-11	CH	34,45	30,98
460	1	32	S1-12	CH	103,27	93,39
461	1	32	S1-12A	CH	111,83	101,44
462	1	32	S1-15A	CH	86,03	79,56
463	1	32	S1-15	CH	86,18	79,83

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
464	1	32	S1-16	CH	105,13	96,37
465	1	33	S1-01	CH	96,26	88,68
466	1	33	S1-02	CH	86,03	79,56
467	1	33	S1-03	CH	111,78	101,43
468	1	33	S1-05A	CH	99,24	89,86
469	1	33	S1-05	CH	34,45	30,98
470	1	33	S1-06	CH	86,38	79,88
471	1	33	S1-08A	CH	38,14	34,38
472	1	33	S1-08	CH	97,27	88,39
473	1	33	S1-09	CH	38,11	34,32
474	1	33	S1-10	CH	86,38	79,88
475	1	33	S1-11	CH	34,45	30,98
476	1	33	S1-12	CH	109,72	99,34
477	1	33	S1-12A	CH	105,39	95,48
478	1	33	S1-15A	CH	96,11	88,67
479	1	33	S1-15	CH	86,18	79,82
480	1	33	S1-16	CH	115,42	105,67
481	1	34	S1-01	CH	86,19	79,56
482	1	34	S1-02	CH	96,11	88,67
483	1	34	S1-03	CH	101,29	91,96
484	1	34	S1-05A	CH	109,74	99,34
485	1	34	S1-05	CH	34,45	30,98
486	1	34	S1-06	CH	86,38	79,88
487	1	34	S1-08A	CH	38,14	34,38
488	1	34	S1-08	CH	109,39	99,94
489	1	34	S1-09	CH	38,11	34,32
490	1	34	S1-10	CH	86,38	79,88
491	1	34	S1-11	CH	34,45	30,98
492	1	34	S1-12	CH	103,27	93,39
493	1	34	S1-12A	CH	111,83	101,44
494	1	34	S1-15A	CH	86,03	79,56
495	1	34	S1-15	CH	86,18	79,83
496	1	34	S1-16	CH	105,13	96,37
497	1	35	S1-01	CH	86,19	79,56
498	1	35	S1-02	CH	86,03	79,56
499	1	35	S1-03	CH	111,78	101,43
500	1	35	S1-05A	CH	99,24	89,86
501	1	35	S1-05	CH	34,45	30,98
502	1	35	S1-06	CH	86,38	79,88
503	1	35	S1-08A	CH	38,14	34,38
504	1	35	S1-08	CH	97,27	88,39
505	1	35	S1-09	CH	38,11	34,32
506	1	35	S1-10	CH	86,38	79,88
507	1	35	S1-11	CH	34,45	30,98
508	1	35	S1-12	CH	109,71	99,34
509	1	35	S1-12A	CH	105,39	95,48
510	1	35	S1-15A	CH	85,98	79,56

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
511	1	35	S1-15	CH	96,26	88,94
512	1	35	S1-16	CH	115,42	105,67
513	1	36	S1-01	CH	86,19	79,56
514	1	36	S1-02	CH	96,11	88,67
515	1	36	S1-03	CH	101,29	91,96
516	1	36	S1-05A	CH	109,74	99,34
517	1	36	S1-05	CH	34,45	30,98
518	1	36	S1-06	CH	86,38	79,88
519	1	36	S1-08A	CH	38,14	34,38
520	1	36	S1-08	CH	109,39	99,94
521	1	36	S1-09	CH	38,11	34,32
522	1	36	S1-10	CH	86,38	79,88
523	1	36	S1-11	CH	34,45	30,98
524	1	36	S1-12	CH	103,27	93,39
525	1	36	S1-12A	CH	111,83	101,44
526	1	36	S1-15A	CH	86,03	79,56
527	1	36	S1-15	CH	86,18	79,83
528	1	36	S1-16	CH	105,13	96,37
529	1	37	S1-01	CH	96,26	88,68
530	1	37	S1-02	CH	86,03	79,56
531	1	37	S1-03	CH	111,78	101,43
532	1	37	S1-05A	CH	99,24	89,86
533	1	37	S1-05	CH	34,45	30,98
534	1	37	S1-06	CH	86,38	79,88
535	1	37	S1-08A	CH	38,14	34,38
536	1	37	S1-08	CH	97,27	88,39
537	1	37	S1-09	CH	38,11	34,32
538	1	37	S1-10	CH	86,38	79,88
539	1	37	S1-11	CH	34,45	30,98
540	1	37	S1-12	CH	109,72	99,34
541	1	37	S1-12A	CH	105,39	95,48
542	1	37	S1-15A	CH	96,07	88,67
543	1	37	S1-15	CH	86,18	79,82
544	1	37	S1-16	CH	115,42	105,67
545	1	38	S1-01	CH	86,19	79,56
546	1	38	S1-02	CH	96,11	88,67
547	1	38	S1-03	CH	101,29	91,96
548	1	38	S1-05A	CH	109,74	99,34
549	1	38	S1-05	CH	34,45	30,98
550	1	38	S1-06	CH	86,38	79,88
551	1	38	S1-08A	CH	38,14	34,38
552	1	38	S1-08	CH	109,39	99,94
553	1	38	S1-09	CH	38,11	34,32
554	1	38	S1-10	CH	86,38	79,88
555	1	38	S1-11	CH	34,45	30,98
556	1	38	S1-12	CH	103,27	93,39
557	1	38	S1-12A	CH	111,83	101,44

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
558	1	38	S1-15A	CH	86,03	79,56
559	1	38	S1-15	CH	86,18	79,83
560	1	38	S1-16	CH	105,13	96,37
561	1	39	S1-01	CH	86,19	79,56
562	1	39	S1-02	CH	86,03	79,56
563	1	39	S1-03	CH	111,78	101,43
564	1	39	S1-05A	CH	99,24	89,86
565	1	39	S1-05	CH	34,45	30,98
566	1	39	S1-06	CH	86,38	79,88
567	1	39	S1-08A	CH	38,14	34,38
568	1	39	S1-08	CH	97,27	88,39
569	1	39	S1-09	CH	38,11	34,32
570	1	39	S1-10	CH	86,38	79,88
571	1	39	S1-11	CH	34,45	30,98
572	1	39	S1-12	CH	109,69	99,34
573	1	39	S1-12A	CH	105,39	95,48
574	1	39	S1-15A	CH	86,03	79,56
575	1	39	S1-15	CH	96,26	88,94
576	1	39	S1-16	CH	115,42	105,67
577	1	40	S1-PH01	CH	93,36	86,09
578	1	40	S1-PH02	CH	187,8	175,61
579	1	40	S1-PH03	CH	134,35	124,36
580	1	40	S1-PH05A	CH	131,43	121,6
581	1	40	S1-PH05	CH	109,37	99,94
582	1	40	S1-PH06	CH	131,66	121,55
583	1	40	S1-PH08A	CH	134,34	124,26
584	1	40	S1-PH08	CH	188,14	174,95
585	1	40	S1-PH09	CH	191,78	178,61
Tháp 2			585		48.490,94	44.424,65
1	2	2	S2-G05A	CH	99,21	89,86
2	2	2	S2-G05	CH	34,45	30,65
3	2	2	S2-G06	CH	86,37	79,88
4	2	2	S2-G08A	CH	37,77	34,05
5	2	2	S2-G08	CH	97,24	88,39
6	2	2	S2-G09	CH	37,86	33,99
7	2	2	S2-G10	CH	86,37	79,88
8	2	2	S2-G11	CH	34,2	30,65
9	2	2	S2-G12	CH	99,21	89,86
10	2	2	S2-G12A	CH	101,33	91,96
11	2	2	S2-G15A	CH	85,58	79,05
12	2	3	S2-01	CH	86,18	79,56
13	2	3	S2-02	CH	85,93	79,56
14	2	3	S2-03	CH	111,76	101,45
15	2	3	S2-15	CH	96,27	88,94
16	2	3	S2-16	CH	115,33	105,67
17	2	4	S2-01	CH	86,19	79,56
18	2	4	S2-02	CH	96,11	88,67

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
19	2	4	S2-03	CH	101,29	91,96
20	2	4	S2-05A	CH	109,74	99,34
21	2	4	S2-05	CH	34,45	30,98
22	2	4	S2-06	CH	86,38	79,88
23	2	4	S2-08A	CH	38,14	34,38
24	2	4	S2-08	CH	109,39	99,94
25	2	4	S2-09	CH	38,11	34,32
26	2	4	S2-10	CH	86,38	79,88
27	2	4	S2-11	CH	34,45	30,98
28	2	4	S2-12	CH	103,27	93,39
29	2	4	S2-12A	CH	111,83	101,44
30	2	4	S2-15A	CH	86,03	79,56
31	2	4	S2-15	CH	86,18	79,83
32	2	4	S2-16	CH	105,13	96,37
33	2	5	S2-01	CH	96,26	88,68
34	2	5	S2-02	CH	86,03	79,56
35	2	5	S2-03	CH	111,78	101,43
36	2	5	S2-05A	CH	99,24	89,86
37	2	5	S2-05	CH	34,45	30,98
38	2	5	S2-06	CH	74,52	79,88
39	2	5	S2-08A	CH	38,32	34,38
40	2	5	S2-08	CH	97,27	88,39
41	2	5	S2-09	CH	38,29	34,32
42	2	5	S2-10	CH	74,52	79,88
43	2	5	S2-11	CH	34,45	30,98
44	2	5	S2-12	CH	109,72	99,34
45	2	5	S2-12A	CH	105,39	95,48
46	2	5	S2-15A	CH	96,07	88,67
47	2	5	S2-15	CH	86,18	79,82
48	2	5	S2-16	CH	115,42	105,67
49	2	6	S2-01	CH	86,19	79,56
50	2	6	S2-02	CH	96,11	88,67
51	2	6	S2-03	CH	101,29	91,96
52	2	6	S2-05A	CH	109,74	99,34
53	2	6	S2-05	CH	34,45	30,98
54	2	6	S2-06	CH	86,38	79,88
55	2	6	S2-08A	CH	38,14	34,38
56	2	6	S2-08	CH	109,39	99,94
57	2	6	S2-09	CH	38,11	34,32
58	2	6	S2-10	CH	86,38	79,88
59	2	6	S2-11	CH	34,45	30,98
60	2	6	S2-12	CH	103,27	93,39
61	2	6	S2-12A	CH	111,83	101,44
62	2	6	S2-15A	CH	86,03	79,56
63	2	6	S2-15	CH	86,18	79,83
64	2	6	S2-16	CH	105,13	96,37
65	2	7	S2-01	CH	86,19	79,56

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
66	2	7	S2-02	CH	86,03	79,56
67	2	7	S2-03	CH	111,78	101,43
68	2	7	S2-05A	CH	99,24	89,86
69	2	7	S2-05	CH	34,45	30,98
70	2	7	S2-06	CH	86,38	79,88
71	2	7	S2-08A	CH	38,14	34,38
72	2	7	S2-08	CH	97,27	88,39
73	2	7	S2-09	CH	38,11	34,32
74	2	7	S2-10	CH	86,38	79,88
75	2	7	S2-11	CH	34,45	30,98
76	2	7	S2-12	CH	109,69	99,34
77	2	7	S2-12A	CH	105,39	95,48
78	2	7	S2-15A	CH	86,03	79,56
79	2	7	S2-15	CH	96,26	88,94
80	2	7	S2-16	CH	115,42	105,67
81	2	8	S2-01	CH	86,19	79,56
82	2	8	S2-02	CH	96,11	88,67
83	2	8	S2-03	CH	101,29	91,96
84	2	8	S2-05A	CH	109,74	99,34
85	2	8	S2-05	CH	34,45	30,98
86	2	8	S2-06	CH	86,38	79,88
87	2	8	S2-08A	CH	38,14	34,38
88	2	8	S2-08	CH	109,39	99,94
89	2	8	S2-09	CH	38,11	34,32
90	2	8	S2-10	CH	86,38	79,88
91	2	8	S2-11	CH	34,45	30,98
92	2	8	S2-12	CH	103,27	93,39
93	2	8	S2-12A	CH	111,83	101,44
94	2	8	S2-15A	CH	86,03	79,56
95	2	8	S2-15	CH	86,18	79,83
96	2	8	S2-16	CH	105,13	96,37
97	2	9	S2-01	CH	96,26	88,68
98	2	9	S2-02	CH	86,03	79,56
99	2	9	S2-03	CH	111,78	101,43
100	2	9	S2-05A	CH	99,24	89,86
101	2	9	S2-05	CH	34,45	30,98
102	2	9	S2-06	CH	86,38	79,88
103	2	9	S2-08A	CH	38,14	34,38
104	2	9	S2-08	CH	97,27	88,39
105	2	9	S2-09	CH	38,11	34,32
106	2	9	S2-10	CH	86,38	79,88
107	2	9	S2-11	CH	34,45	30,98
108	2	9	S2-12	CH	109,72	99,34
109	2	9	S2-12A	CH	105,39	95,48
110	2	9	S2-15A	CH	96,11	88,67
111	2	9	S2-15	CH	86,18	79,82
112	2	9	S2-16	CH	115,42	105,67

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
113	2	10	S2-01	CH	86,19	79,56
114	2	10	S2-02	CH	96,11	88,67
115	2	10	S2-03	CH	101,29	91,96
116	2	10	S2-05A	CH	109,74	99,34
117	2	10	S2-05	CH	34,45	30,98
118	2	10	S2-06	CH	86,38	79,88
119	2	10	S2-08A	CH	38,14	34,38
120	2	10	S2-08	CH	109,39	99,94
121	2	10	S2-09	CH	38,11	34,32
122	2	10	S2-10	CH	86,38	79,88
123	2	10	S2-11	CH	34,45	30,98
124	2	10	S2-12	CH	103,27	93,39
125	2	10	S2-12A	CH	111,83	101,44
126	2	10	S2-15A	CH	86,03	79,56
127	2	10	S2-15	CH	86,18	79,83
128	2	10	S2-16	CH	105,13	96,37
129	2	11	S2-01	CH	86,19	79,56
130	2	11	S2-02	CH	86,03	79,56
131	2	11	S2-03	CH	111,78	101,43
132	2	11	S2-05A	CH	99,24	89,86
133	2	11	S2-05	CH	34,45	30,98
134	2	11	S2-06	CH	86,38	79,88
135	2	11	S2-08A	CH	38,14	34,38
136	2	11	S2-08	CH	97,27	88,39
137	2	11	S2-09	CH	38,11	34,32
138	2	11	S2-10	CH	86,38	79,88
139	2	11	S2-11	CH	34,45	30,98
140	2	11	S2-12	CH	109,71	99,34
141	2	11	S2-12A	CH	105,39	95,48
142	2	11	S2-15A	CH	85,98	79,56
143	2	11	S2-15	CH	96,26	88,94
144	2	11	S2-16	CH	115,42	105,67
145	2	12	S2-01	CH	86,19	79,56
146	2	12	S2-02	CH	96,11	88,67
147	2	12	S2-03	CH	101,29	91,96
148	2	12	S2-05A	CH	109,74	99,34
149	2	12	S2-05	CH	34,45	30,98
150	2	12	S2-06	CH	86,38	79,88
151	2	12	S2-08A	CH	38,14	34,38
152	2	12	S2-08	CH	109,39	99,94
153	2	12	S2-09	CH	38,11	34,32
154	2	12	S2-10	CH	86,38	79,88
155	2	12	S2-11	CH	34,45	30,98
156	2	12	S2-12	CH	103,27	93,39
157	2	12	S2-12A	CH	111,83	101,44
158	2	12	S2-15A	CH	86,03	79,56
159	2	12	S2-15	CH	86,18	79,83

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
160	2	12	S2-16	CH	105,13	96,37
161	2	13	S2-01	CH	96,26	88,68
162	2	13	S2-02	CH	86,03	79,56
163	2	13	S2-03	CH	111,78	101,43
164	2	13	S2-05A	CH	99,24	89,86
165	2	13	S2-05	CH	34,45	30,98
166	2	13	S2-06	CH	74,52	79,88
167	2	13	S2-08A	CH	38,32	34,38
168	2	13	S2-08	CH	97,27	88,39
169	2	13	S2-09	CH	38,29	34,32
170	2	13	S2-10	CH	74,52	79,88
171	2	13	S2-11	CH	34,45	30,98
172	2	13	S2-12	CH	109,72	99,34
173	2	13	S2-12A	CH	105,39	95,48
174	2	13	S2-15A	CH	96,07	88,67
175	2	13	S2-15	CH	86,18	79,82
176	2	13	S2-16	CH	115,42	105,67
177	2	14	S2-01	CH	86,19	79,56
178	2	14	S2-02	CH	96,11	88,67
179	2	14	S2-03	CH	101,29	91,96
180	2	14	S2-05A	CH	109,74	99,34
181	2	14	S2-05	CH	34,45	30,98
182	2	14	S2-06	CH	86,38	79,88
183	2	14	S2-08A	CH	38,14	34,38
184	2	14	S2-08	CH	109,39	99,94
185	2	14	S2-09	CH	38,11	34,32
186	2	14	S2-10	CH	86,38	79,88
187	2	14	S2-11	CH	34,45	30,98
188	2	14	S2-12	CH	103,27	93,39
189	2	14	S2-12A	CH	111,83	101,44
190	2	14	S2-15A	CH	86,03	79,56
191	2	14	S2-15	CH	86,18	79,83
192	2	14	S2-16	CH	105,13	96,37
193	2	15	S2-01	CH	86,19	79,56
194	2	15	S2-02	CH	86,03	79,56
195	2	15	S2-03	CH	111,78	101,43
196	2	15	S2-05A	CH	99,24	89,86
197	2	15	S2-05	CH	34,45	30,98
198	2	15	S2-06	CH	86,38	79,88
199	2	15	S2-08A	CH	38,14	34,38
200	2	15	S2-08	CH	97,27	88,39
201	2	15	S2-09	CH	38,11	34,32
202	2	15	S2-10	CH	86,38	79,88
203	2	15	S2-11	CH	34,45	30,98
204	2	15	S2-12	CH	109,69	99,34
205	2	15	S2-12A	CH	105,39	95,48
206	2	15	S2-15A	CH	86,03	79,56

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
207	2	15	S2-15	CH	96,26	88,94
208	2	15	S2-16	CH	115,42	105,67
209	2	16	S2-01	CH	86,19	79,56
210	2	16	S2-02	CH	96,11	88,67
211	2	16	S2-03	CH	101,29	91,96
212	2	16	S2-05A	CH	109,74	99,34
213	2	16	S2-05	CH	34,45	30,98
214	2	16	S2-06	CH	86,38	79,88
215	2	16	S2-08A	CH	38,14	34,38
216	2	16	S2-08	CH	109,39	99,94
217	2	16	S2-09	CH	38,11	34,32
218	2	16	S2-10	CH	86,38	79,88
219	2	16	S2-11	CH	34,45	30,98
220	2	16	S2-12	CH	103,27	93,39
221	2	16	S2-12A	CH	111,83	101,44
222	2	16	S2-15A	CH	86,03	79,56
223	2	16	S2-15	CH	86,18	79,83
224	2	16	S2-16	CH	105,13	96,37
225	2	17	S2-01	CH	96,26	88,68
226	2	17	S2-02	CH	86,03	79,56
227	2	17	S2-03	CH	111,78	101,43
228	2	17	S2-05A	CH	99,24	89,86
229	2	17	S2-05	CH	34,45	30,98
230	2	17	S2-06	CH	86,38	79,88
231	2	17	S2-08A	CH	38,14	34,38
232	2	17	S2-08	CH	97,27	88,39
233	2	17	S2-09	CH	38,11	34,32
234	2	17	S2-10	CH	86,38	79,88
235	2	17	S2-11	CH	34,45	30,98
236	2	17	S2-12	CH	109,72	99,34
237	2	17	S2-12A	CH	105,39	95,48
238	2	17	S2-15A	CH	96,11	88,67
239	2	17	S2-15	CH	86,18	79,82
240	2	17	S2-16	CH	115,42	105,67
241	2	18	S2-01	CH	86,19	79,56
242	2	18	S2-02	CH	96,11	88,67
243	2	18	S2-03	CH	101,29	91,96
244	2	18	S2-05A	CH	109,74	99,34
245	2	18	S2-05	CH	34,45	30,98
246	2	18	S2-06	CH	86,38	79,88
247	2	18	S2-08A	CH	38,14	34,38
248	2	18	S2-08	CH	109,39	99,94
249	2	18	S2-09	CH	38,11	34,32
250	2	18	S2-10	CH	86,38	79,88
251	2	18	S2-11	CH	34,45	30,98
252	2	18	S2-12	CH	103,27	93,39
253	2	18	S2-12A	CH	111,83	101,44

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
254	2	18	S2-15A	CH	86,03	79,56
255	2	18	S2-15	CH	86,18	79,83
256	2	18	S2-16	CH	105,13	96,37
257	2	19	S2-01	CH	86,19	79,56
258	2	19	S2-02	CH	86,03	79,56
259	2	19	S2-03	CH	111,78	101,43
260	2	19	S2-05A	CH	99,24	89,86
261	2	19	S2-05	CH	34,45	30,98
262	2	19	S2-06	CH	86,38	79,88
263	2	19	S2-08A	CH	38,14	34,38
264	2	19	S2-08	CH	97,27	88,39
265	2	19	S2-09	CH	38,11	34,32
266	2	19	S2-10	CH	86,38	79,88
267	2	19	S2-11	CH	34,45	30,98
268	2	19	S2-12	CH	109,71	99,34
269	2	19	S2-12A	CH	105,39	95,48
270	2	19	S2-15A	CH	85,98	79,56
271	2	19	S2-15	CH	96,26	88,94
272	2	19	S2-16	CH	115,42	105,67
273	2	20	S2-01	CH	86,18	79,57
274	2	20	S2-M02	CH	96,11	88,67
275	2	20	S2-M03	CH	101,29	91,95
276	2	20	S2-M05A	CH	109,73	99,34
277	2	20	S2-M05	CH	34,45	30,98
278	2	20	S2-06	CH	86,38	79,88
279	2	20	S2-08A	CH	37,93	34,38
280	2	20	S2-08	CH	109,46	99,94
281	2	20	S2-09	CH	38,11	34,32
282	2	20	S2-10	CH	86,38	79,88
283	2	20	S2-11	CH	34,45	30,98
284	2	20	S2-M12	CH	103,27	93,39
285	2	20	S2-M12A	CH	111,83	101,44
286	2	20	S2-M15A	CH	86,03	79,56
287	2	20	S2-M15	CH	86,18	79,83
288	2	20	S2-M16	CH	86,03	79,56
289	2	22	S2-01	CH	86,19	79,56
290	2	22	S2-02	CH	96,11	88,67
291	2	22	S2-03	CH	101,29	91,96
292	2	22	S2-05A	CH	109,74	99,34
293	2	22	S2-05	CH	34,45	30,98
294	2	22	S2-06	CH	86,38	79,88
295	2	22	S2-08A	CH	38,14	34,38
296	2	22	S2-08	CH	109,39	99,94
297	2	22	S2-09	CH	38,11	34,32
298	2	22	S2-10	CH	86,38	79,88
299	2	22	S2-11	CH	34,45	30,98
300	2	22	S2-12	CH	103,27	93,39

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
301	2	22	S2-12A	CH	111,83	101,44
302	2	22	S2-15A	CH	86,03	79,56
303	2	22	S2-15	CH	86,18	79,83
304	2	22	S2-16	CH	105,13	96,37
305	2	23	S2-01	CH	86,19	79,56
306	2	23	S2-02	CH	86,03	79,56
307	2	23	S2-03	CH	111,78	101,43
308	2	23	S2-05A	CH	99,24	89,86
309	2	23	S2-05	CH	34,45	30,98
310	2	23	S2-06	CH	86,38	79,88
311	2	23	S2-08A	CH	38,14	34,38
312	2	23	S2-08	CH	97,27	88,39
313	2	23	S2-09	CH	38,11	34,32
314	2	23	S2-10	CH	86,38	79,88
315	2	23	S2-11	CH	34,45	30,98
316	2	23	S2-12	CH	109,69	99,34
317	2	23	S2-12A	CH	105,39	95,48
318	2	23	S2-15A	CH	86,03	79,56
319	2	23	S2-15	CH	96,26	88,94
320	2	23	S2-16	CH	115,42	105,67
321	2	24	S2-01	CH	86,19	79,56
322	2	24	S2-02	CH	96,11	88,67
323	2	24	S2-03	CH	101,29	91,96
324	2	24	S2-05A	CH	109,74	99,34
325	2	24	S2-05	CH	34,45	30,98
326	2	24	S2-06	CH	86,38	79,88
327	2	24	S2-08A	CH	38,14	34,38
328	2	24	S2-08	CH	109,39	99,94
329	2	24	S2-09	CH	38,11	34,32
330	2	24	S2-10	CH	86,38	79,88
331	2	24	S2-11	CH	34,45	30,98
332	2	24	S2-12	CH	103,27	93,39
333	2	24	S2-12A	CH	111,83	101,44
334	2	24	S2-15A	CH	86,03	79,56
335	2	24	S2-15	CH	86,18	79,83
336	2	24	S2-16	CH	105,13	96,37
337	2	25	S2-01	CH	96,26	88,68
338	2	25	S2-02	CH	86,03	79,56
339	2	25	S2-03	CH	111,78	101,43
340	2	25	S2-05A	CH	99,24	89,86
341	2	25	S2-05	CH	34,45	30,98
342	2	25	S2-06	CH	86,38	79,88
343	2	25	S2-08A	CH	38,14	34,38
344	2	25	S2-08	CH	97,27	88,39
345	2	25	S2-09	CH	38,11	34,32
346	2	25	S2-10	CH	86,38	79,88
347	2	25	S2-11	CH	34,45	30,98

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
348	2	25	S2-12	CH	109,72	99,34
349	2	25	S2-12A	CH	105,39	95,48
350	2	25	S2-15A	CH	96,11	88,67
351	2	25	S2-15	CH	86,18	79,82
352	2	25	S2-16	CH	115,42	105,67
353	2	26	S2-01	CH	86,19	79,56
354	2	26	S2-02	CH	96,11	88,67
355	2	26	S2-03	CH	101,29	91,96
356	2	26	S2-05A	CH	109,74	99,34
357	2	26	S2-05	CH	34,45	30,98
358	2	26	S2-06	CH	86,38	79,88
359	2	26	S2-08A	CH	38,14	34,38
360	2	26	S2-08	CH	109,39	99,94
361	2	26	S2-09	CH	38,11	34,32
362	2	26	S2-10	CH	86,38	79,88
363	2	26	S2-11	CH	34,45	30,98
364	2	26	S2-12	CH	103,27	93,39
365	2	26	S2-12A	CH	111,83	101,44
366	2	26	S2-15A	CH	86,03	79,56
367	2	26	S2-15	CH	86,18	79,83
368	2	26	S2-16	CH	105,13	96,37
369	2	27	S2-01	CH	86,19	79,56
370	2	27	S2-02	CH	86,03	79,56
371	2	27	S2-03	CH	111,78	101,43
372	2	27	S2-05A	CH	99,24	89,86
373	2	27	S2-05	CH	34,45	30,98
374	2	27	S2-06	CH	86,38	79,88
375	2	27	S2-08A	CH	38,14	34,38
376	2	27	S2-08	CH	97,27	88,39
377	2	27	S2-09	CH	38,11	34,32
378	2	27	S2-10	CH	86,38	79,88
379	2	27	S2-11	CH	34,45	30,98
380	2	27	S2-12	CH	109,71	99,34
381	2	27	S2-12A	CH	105,39	95,48
382	2	27	S2-15A	CH	85,98	79,56
383	2	27	S2-15	CH	96,26	88,94
384	2	27	S2-16	CH	115,42	105,67
385	2	28	S2-01	CH	86,19	79,56
386	2	28	S2-02	CH	96,11	88,67
387	2	28	S2-03	CH	101,29	91,96
388	2	28	S2-05A	CH	109,74	99,34
389	2	28	S2-05	CH	34,45	30,98
390	2	28	S2-06	CH	86,38	79,88
391	2	28	S2-08A	CH	38,14	34,38
392	2	28	S2-08	CH	109,39	99,94
393	2	28	S2-09	CH	38,11	34,32
394	2	28	S2-10	CH	86,38	79,88

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
395	2	28	S2-11	CH	34,45	30,98
396	2	28	S2-12	CH	103,27	93,39
397	2	28	S2-12A	CH	111,83	101,44
398	2	28	S2-15A	CH	86,03	79,56
399	2	28	S2-15	CH	86,18	79,83
400	2	28	S2-16	CH	105,13	96,37
401	2	29	S2-01	CH	96,26	88,68
402	2	29	S2-02	CH	86,03	79,56
403	2	29	S2-03	CH	111,78	101,43
404	2	29	S2-05A	CH	99,24	89,86
405	2	29	S2-05	CH	34,45	30,98
406	2	29	S2-06	CH	74,52	79,88
407	2	29	S2-08A	CH	38,32	34,38
408	2	29	S2-08	CH	97,27	88,39
409	2	29	S2-09	CH	38,29	34,32
410	2	29	S2-10	CH	74,52	79,88
411	2	29	S2-11	CH	34,45	30,98
412	2	29	S2-12	CH	109,72	99,34
413	2	29	S2-12A	CH	105,39	95,48
414	2	29	S2-15A	CH	96,07	88,67
415	2	29	S2-15	CH	86,18	79,82
416	2	29	S2-16	CH	115,42	105,67
417	2	30	S2-01	CH	86,19	79,56
418	2	30	S2-02	CH	96,11	88,67
419	2	30	S2-03	CH	101,29	91,96
420	2	30	S2-05A	CH	109,74	99,34
421	2	30	S2-05	CH	34,45	30,98
422	2	30	S2-06	CH	86,38	79,88
423	2	30	S2-08A	CH	38,14	34,38
424	2	30	S2-08	CH	109,39	99,94
425	2	30	S2-09	CH	38,11	34,32
426	2	30	S2-10	CH	86,38	79,88
427	2	30	S2-11	CH	34,45	30,98
428	2	30	S2-12	CH	103,27	93,39
429	2	30	S2-12A	CH	111,83	101,44
430	2	30	S2-15A	CH	86,03	79,56
431	2	30	S2-15	CH	86,18	79,83
432	2	30	S2-16	CH	105,13	96,37
433	2	31	S2-01	CH	86,19	79,56
434	2	31	S2-02	CH	86,03	79,56
435	2	31	S2-03	CH	111,78	101,43
436	2	31	S2-05A	CH	99,24	89,86
437	2	31	S2-05	CH	34,45	30,98
438	2	31	S2-06	CH	86,38	79,88
439	2	31	S2-08A	CH	38,14	34,38
440	2	31	S2-08	CH	97,27	88,39
441	2	31	S2-09	CH	38,11	34,32

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
442	2	31	S2-10	CH	86,38	79,88
443	2	31	S2-11	CH	34,45	30,98
444	2	31	S2-12	CH	109,69	99,34
445	2	31	S2-12A	CH	105,39	95,48
446	2	31	S2-15A	CH	86,03	79,56
447	2	31	S2-15	CH	96,26	88,94
448	2	31	S2-16	CH	115,42	105,67
449	2	32	S2-01	CH	86,19	79,56
450	2	32	S2-02	CH	96,11	88,67
451	2	32	S2-03	CH	101,29	91,96
452	2	32	S2-05A	CH	109,74	99,34
453	2	32	S2-05	CH	34,45	30,98
454	2	32	S2-06	CH	86,38	79,88
455	2	32	S2-08A	CH	38,14	34,38
456	2	32	S2-08	CH	109,39	99,94
457	2	32	S2-09	CH	38,11	34,32
458	2	32	S2-10	CH	86,38	79,88
459	2	32	S2-11	CH	34,45	30,98
460	2	32	S2-12	CH	103,27	93,39
461	2	32	S2-12A	CH	111,83	101,44
462	2	32	S2-15A	CH	86,03	79,56
463	2	32	S2-15	CH	86,18	79,83
464	2	32	S2-16	CH	105,13	96,37
465	2	33	S2-01	CH	96,26	88,68
466	2	33	S2-02	CH	86,03	79,56
467	2	33	S2-03	CH	111,78	101,43
468	2	33	S2-05A	CH	99,24	89,86
469	2	33	S2-05	CH	34,45	30,98
470	2	33	S2-06	CH	86,38	79,88
471	2	33	S2-08A	CH	38,14	34,38
472	2	33	S2-08	CH	97,27	88,39
473	2	33	S2-09	CH	38,11	34,32
474	2	33	S2-10	CH	86,38	79,88
475	2	33	S2-11	CH	34,45	30,98
476	2	33	S2-12	CH	109,72	99,34
477	2	33	S2-12A	CH	105,39	95,48
478	2	33	S2-15A	CH	96,11	88,67
479	2	33	S2-15	CH	86,18	79,82
480	2	33	S2-16	CH	115,42	105,67
481	2	34	S2-01	CH	86,19	79,56
482	2	34	S2-02	CH	96,11	88,67
483	2	34	S2-03	CH	101,29	91,96
484	2	34	S2-05A	CH	109,74	99,34
485	2	34	S2-05	CH	34,45	30,98
486	2	34	S2-06	CH	86,38	79,88
487	2	34	S2-08A	CH	38,14	34,38
488	2	34	S2-08	CH	109,39	99,94

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
489	2	34	S2-09	CH	38,11	34,32
490	2	34	S2-10	CH	86,38	79,88
491	2	34	S2-11	CH	34,45	30,98
492	2	34	S2-12	CH	103,27	93,39
493	2	34	S2-12A	CH	111,83	101,44
494	2	34	S2-15A	CH	86,03	79,56
495	2	34	S2-15	CH	86,18	79,83
496	2	34	S2-16	CH	105,13	96,37
497	2	35	S2-01	CH	86,19	79,56
498	2	35	S2-02	CH	86,03	79,56
499	2	35	S2-03	CH	111,78	101,43
500	2	35	S2-05A	CH	99,24	89,86
501	2	35	S2-05	CH	34,45	30,98
502	2	35	S2-06	CH	86,38	79,88
503	2	35	S2-08A	CH	38,14	34,38
504	2	35	S2-08	CH	97,27	88,39
505	2	35	S2-09	CH	38,11	34,32
506	2	35	S2-10	CH	86,38	79,88
507	2	35	S2-11	CH	34,45	30,98
508	2	35	S2-12	CH	109,71	99,34
509	2	35	S2-12A	CH	105,39	95,48
510	2	35	S2-15A	CH	85,98	79,56
511	2	35	S2-15	CH	96,26	88,94
512	2	35	S2-16	CH	115,42	105,67
513	2	36	S2-01	CH	86,19	79,56
514	2	36	S2-02	CH	96,11	88,67
515	2	36	S2-03	CH	101,29	91,96
516	2	36	S2-05A	CH	109,74	99,34
517	2	36	S2-05	CH	34,45	30,98
518	2	36	S2-06	CH	86,38	79,88
519	2	36	S2-08A	CH	38,14	34,38
520	2	36	S2-08	CH	109,39	99,94
521	2	36	S2-09	CH	38,11	34,32
522	2	36	S2-10	CH	86,38	79,88
523	2	36	S2-11	CH	34,45	30,98
524	2	36	S2-12	CH	103,27	93,39
525	2	36	S2-12A	CH	111,83	101,44
526	2	36	S2-15A	CH	86,03	79,56
527	2	36	S2-15	CH	86,18	79,83
528	2	36	S2-16	CH	105,13	96,37
529	2	37	S2-01	CH	96,26	88,68
530	2	37	S2-02	CH	86,03	79,56
531	2	37	S2-03	CH	111,78	101,43
532	2	37	S2-05A	CH	99,24	89,86
533	2	37	S2-05	CH	34,45	30,98
534	2	37	S2-06	CH	74,52	79,88
535	2	37	S2-08A	CH	38,32	34,38

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
536	2	37	S2-08	CH	97,27	88,39
537	2	37	S2-09	CH	38,29	34,32
538	2	37	S2-10	CH	74,52	79,88
539	2	37	S2-11	CH	34,45	30,98
540	2	37	S2-12	CH	109,72	99,34
541	2	37	S2-12A	CH	105,39	95,48
542	2	37	S2-15A	CH	96,07	88,67
543	2	37	S2-15	CH	86,18	79,82
544	2	37	S2-16	CH	115,42	105,67
545	2	38	S2-01	CH	86,19	79,56
546	2	38	S2-02	CH	96,11	88,67
547	2	38	S2-03	CH	101,29	91,96
548	2	38	S2-05A	CH	109,74	99,34
549	2	38	S2-05	CH	34,45	30,98
550	2	38	S2-06	CH	86,38	79,88
551	2	38	S2-08A	CH	38,14	34,38
552	2	38	S2-08	CH	109,39	99,94
553	2	38	S2-09	CH	38,11	34,32
554	2	38	S2-10	CH	86,38	79,88
555	2	38	S2-11	CH	34,45	30,98
556	2	38	S2-12	CH	103,27	93,39
557	2	38	S2-12A	CH	111,83	101,44
558	2	38	S2-15A	CH	86,03	79,56
559	2	38	S2-15	CH	86,18	79,83
560	2	38	S2-16	CH	105,13	96,37
561	2	39	S2-01	CH	86,19	79,56
562	2	39	S2-02	CH	86,03	79,56
563	2	39	S2-03	CH	111,78	101,43
564	2	39	S2-05A	CH	99,24	89,86
565	2	39	S2-05	CH	34,45	30,98
566	2	39	S2-06	CH	86,38	79,88
567	2	39	S2-08A	CH	38,14	34,38
568	2	39	S2-08	CH	97,27	88,39
569	2	39	S2-09	CH	38,11	34,32
570	2	39	S2-10	CH	86,38	79,88
571	2	39	S2-11	CH	34,45	30,98
572	2	39	S2-12	CH	109,69	99,34
573	2	39	S2-12A	CH	105,39	95,48
574	2	39	S2-15A	CH	86,03	79,56
575	2	39	S2-15	CH	96,26	88,94
576	2	39	S2-16	CH	115,42	105,67
577	2	40	S2-PH01	CH	93,36	86,09
578	2	40	S2-PH02	CH	187,8	175,61
579	2	40	S2-PH03	CH	134,35	124,36
580	2	40	S2-PH05A	CH	131,43	121,6
581	2	40	S2-PH05	CH	109,37	99,94
582	2	40	S2-PH06	CH	131,66	121,55

STT	Tòa	Tầng	Mã căn hộ	Loại căn hộ	Diện tích tim tường	Diện tích thông thủy
583	2	40	S2-PH08A	CH	134,34	124,26
584	2	40	S2-PH08	CH	188,14	174,95
585	2	40	S2-PH09	CH	191,78	178,61